

1. Nguyên tắc của phương pháp kết tủa khối lượng là:

- A. Cho mẫu tác dụng với thuốc thử tạo kết tủa hoàn toàn.
- B. Mẫu bị biến đổi thành cặn khi tiếp xúc với nhiệt
- C. Mẫu được tách ra dưới dạng tự do hay hợp chất bền
- D. Mẫu được tách ra và bám vào điện cực

2. Để xác định hàm lượng Na_2SO_4 trong natri sulfat được dụng, người ta dùng phương pháp nào sau đây:

- A. Phân tích khối lượng
- B. Kết tủa khối lượng
- C. Bay hơi bằng nhiệt
- D. Bay hơi bằng thuốc thử

3. Công thức tính hàm lượng chất cần xác định theo phương pháp kết tủa khối lượng là:

A. $P = \frac{m_2 - m_1}{a} \times 100$

B. $P = \frac{F \times b}{a} \times 100$

C. $P = \frac{a}{b} \times 100$

D. $P = \frac{F \times b}{a} \times \frac{1}{100}$

4. Một mẫu quặng oxyd sắt nặng 0,5000g được làm kết tủa dưới dạng $\text{Fe}(\text{OH})_3$ và nung đến khối lượng không đổi thành sắt (III) oxyd cân nặng 0,4980 g. Hàm lượng % về khối lượng của Fe_3O_4 trong mẫu quặng là:

- A. 96,3%
- B. 68,7%
- C. 50,0%
- D. 49,8%

Cho: ($\text{Fe} = 56$; $\text{O} = 16$)